TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **27**/2020/DSST.
Ngày: 11/8/2020.
V/v: "Tranh chấp về nợ hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Lưu Xuân Vĩnh.

2. Bà Phạm Thị Nc Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2020/TLST - DS ngày 09/6/2020; về việc "Tranh chấp về nợ hụi"; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐST - DS, ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Bà Lê Thị C, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn 7, xã M, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn 7, xã M, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Đinh Thị L, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn 7, xã M, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông Tưởng Văn Q, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 7, xã M, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận đã ủy quyền cho bà Lê Thị C.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc P – Luật sư thuộc Văn P luật sư Quốc P – Đoàn luật sư tỉnh Bình Thuận: Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Thể hiện tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa - Nguyên đơn - bà Lê Thị C trình bày:

Bà Lê Thị C tham gia chơi nhiều chân hụi do ông N, bà L làm chủ. Do thời gian đã lâu nên không xác định được tham gia cụ thể những chân hụi nào, số tiền từng chân hụi bao nhiêu. Tuy nhiên, những chân hụi mà bà C tham gia đều chưa hốt. Sau khi tính toán, bà Lê Thị C xác định ông Trần Văn N, bà Đinh Thị L còn nợ số tiền hụi là 230.000.000đ. Bà Lê Thị Chiếc xác định đây là tài sản chung của vợ chồng bà C, ông Q nên yêu cầu vợ chồng ông N, bà L phải trả lại số tiền nợ hụi 230.000.000đ cho vợ chồng bà C.

[2] Thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án ông Trần Văn N trình bày như sau:

Do thời gian đã lâu nên ông N không thể xác định bà C đã tham gia chơi chân hụi nào; số tiền là bao nhiêu. Tuy nhiên, ông Trần Văn N thừa nhận còn nợ bà Lê Thị C số tiền nợ hụi là 230.000.000.000đ. Hiện nay, bà C khởi kiện yêu cầu ông N phải trả lại số tiền 230.000.000đ thì ông N chấp nhận. Thế nhưng, ông N xác định đây là nợ riêng của ông N. Bà Đinh Thị L là vợ của ông N không liên quan đến. Ông N không sử dụng số tiền này vào mục đích sử dụng chung trong gia đình nên tiền nợ hụi của bà C không phải nợ chung của vợ chồng ông N. Cho nên, bà L không có trách nhiệm trả tiền cho bà C.

[3] Bị đơn – Bà Đinh Thị L trình bày như sau:

Ông Trần Văn N là người trực tiếp thỏa thuận chơi hụi với bà C. Chuyện làm ăn của ông N, bà L không biết gì. Thời gian qua, ông N cũng không đem tiền về để chăm lo cho gia đình. Cho nên, bà L không liên quan gì đến số tiền nợ của bà C. Do đó, số tiền này là nợ riêng của ông N. Bà L không có trách nhiệm trả nợ cho bà C.

[4]. Những chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn - Bà Lê Thị C cung cấp: 01 sổ hộ khẩu (photo); 02 giấy chứng minh nhân dân (photo).

- Ông Trần Văn N, bà Đinh Thị L cung cấp: 02 chứng minh nhân dân (photo).

- Tòa án tiến hành lấy lời khai của các đương sự; xác minh tại địa phương về những vấn đề liên quan đến vụ án.

[5] Các vấn đề đương sự thống nhất.

Bà Lê Thị C yêu cầu vợ chồng ông N, bà L phải trả lại tổng số tiền nợ hụi 230.000.000đ. Ông Trần Văn N thừa nhận còn nợ bà C số tiền 230.000.000đ.

[6] Các vấn đề đương sự không thống nhất.

Bà Lê Thị C xác định số tiền 230.000.000đ là nợ chung của vợ chồng ông N, bà L. Ông N, bà L cho rằng đây là khoản tiền nợ riêng của ông N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ ông Trần Văn N thừa nhận còn nợ tiền hụi bà Lê Thị Chiếc là 230.000.000đ. Đây là chứng cứ quan trọng chứng minh ông N có nợ của bà C số tiền nợ hụi là 230.000.000đ. Căn cứ vào quy định của pháp luật thì xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Mặc dù, ông N và bà L cho rằng đây là nợ riêng của ông N. Thế nhưng, số tiền nợ của bà C phát sinh trong thời kỳ ông N và bà L có mối quan hệ vợ chồng với nhau. Bà C xác định tham gia chơi hụi do ông N, bà L làm chủ. Cho nên, có đủ căn cứ xác định đây là nợ chung của vợ chồng ông N, bà L. Cho nên, cần buộc ông N, bà L phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà C số tiền nợ hụi là 230.000.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS. Ông Trần Văn N và bà Đinh Thị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203, 227, 228 BLTTDS năm 2015.

- Điều 471 BLDS năm 2015.

- Nghị định 19/2019, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn N, bà Đinh Thị L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị C, ông Tưởng Văn Q số tiền 230.000.000đ.

Về án phí: Miễn án phí cho ông Trần Văn N. Bà Đinh Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà C tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn - ông Trần Văn N, bà Đinh Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông N và bà L đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xem xét, xét xử vắng mặt các bị đơn. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án: Bà Lê Thị C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn N, bà Đinh Thị L phải trả số tiền nợ hụi là 230.000.000đ. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là *"Tranh chấp về nợ hụi"* là phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự

[3] Xét yêu cầu của bà Lê Thị C:

Tại phiên tòa, mặc dù bà Lê Thị C không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh có tham gia chơi hụi do ông N, bà L làm chủ. Bà C cũng không xác định được đã tham gia chơi những chân hụi nào; số tiền bao nhiêu và bao nhiêu người tham gia chơi. Bà C chỉ xác định ông N, bà L còn nợ tiền hụi là 230.000.000đ. Thế nhưng, căn cứ vào lời khai của ông Trần Văn N, ngày 10/7/2020 xác định: Hiện nay, ông Trần Văn N còn nợ tiền hụi bà C tổng số tiền là 230.000.000đ. Căn cứ vào quy định tại Điều 92 BLTTDS đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 471 BLDS năm 2015.

Thể hiện tại các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông Trần Văn N và bà Đinh Thị L đều cho rằng số tiền nợ hụi của bà Lê Thị C là khoản nợ riêng của ông Trần Văn N. Bà Đinh Thị L không có trách nhiệm liên đới cùng ông N trả tiền nợ hụi cho bà C. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Số tiền nợ hụi mà bà C khởi kiện ông Trần Văn N, bà Đinh Thị L phát sinh trong thời gian ông N, bà L có mối quan hệ vợ chồng với nhau. Tại biên bản xác minh ngày 24/7/2020 thể hiện: Trong thời gian ông N, bà L còn sống tại địa phương có nghề nghiệp là làm chủ hụi và cho vay tiền. Ngoài ra, ông N và bà L không còn nghề nghiệp gì khác. Tất cả những chi phí sinh hoạt trong gia đình đều thu nhập từ việc làm chủ hụi và cho vay. Tại phiên tòa, bà Lê Thị C xác định: Trong thời gian tham gia chơi hụi, bà L cũng là người trực tiếp thu hụi của bà C. Cho nên, có đủ căn cứ xác định số tiền nợ hụi của bà C là nợ chung của vợ chồng ông N, bà L. Do đó, cần buộc ông N, bà L có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà C, ông Q số tiền nợ hụi 230.000.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc vợ chồng ông Trần Văn N, bà Đinh Thị L phải liên đới nộp án phí DS/ST; trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho bà C là phù hợp với quy định tại các Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuy nhiên, do ông Trần Văn N, sinh năm 1955 theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi thì ông N là người cao tuổi. Căn cứ vào quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 thì ông N thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí nên ông N không phải nộp án phí DS/ST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 và Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS;

- Các Điều 471 và khoản 2 Điều 357 BLDS 2015;

- Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C:

Buộc ông Trần Văn N, bà Đinh Thị L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị C, ông Tưởng Văn Q số tiền nợ hụi là 230.000.000đ (hai trăm, ba mươi triệu đồng).

Chia phần:

Ông Trần Văn N phải có trách nhiệm trả cho Lê Thị C, ông Tưởng Văn Q số tiền nợ hụi 115.000.000đ **(**một trăm, mười lăm triệu đồng**).**

Bà Đinh Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị C, ông Tưởng văn Q số tiền nợ hụi 115.000.000đ **(**một trăm, mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (ông N, bà L) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận được về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Buộc bà Đinh Thị L phải nộp 5.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm, sung công quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bà Lê Thị C số tiền 5.750.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N0 004561, ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (đã ủy quyền cho nguyên đơn) được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 11/8/2020. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự……;
- Chi cục Thi hành án DS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn P.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yến